



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7-8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8-9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1. Ông Đinh Văn Tiến | Chủ tịch |
| 2. Ông Bùi Đình Mạnh | Thành viên |
| 3. Bà Vũ Thị Viễn | Thành viên |
| 4. Bà Vũ Thị Mai | Thành viên |
| 5. Bà Lê Thị Minh Hương | Thành viên |

Ban Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng

- | | |
|-------------------------|----------------|
| 1. Ông Đinh Văn Tiến | Giám đốc |
| 2. Ông Bùi Đình Mạnh | Phó Giám đốc |
| 3. Bà Vũ Thị Viễn | Phó Giám đốc |
| 4. Bà Vũ Thị Mai | Phó Giám đốc |
| 4. Ông Phạm Trung Thành | Kế toán trưởng |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thủy mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đinh Văn Tiến

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Số: *119* /2013/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25/03/2013 trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 02 và 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết cũng như các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về các số dư tại ngày 01/01/2012 cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Tuấn Vinh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 2067/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.963.438.420	51.834.025.064
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.405.108.116	4.855.135.816
Tiền	111		12.405.108.116	4.855.135.816
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.831.166.309	45.384.036.696
Phải thu khách hàng	131		60.792.604.476	44.979.247.056
Trả trước cho người bán	132		2.968.567.301	230.659.301
Các khoản phải thu khác	135	5	1.069.994.532	174.130.339
Hàng tồn kho	140		499.232.958	777.636.509
Hàng tồn kho	141	6	499.232.958	777.636.509
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.227.931.037	817.216.043
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		300.831.037	397.666.043
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	927.100.000	419.550.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.371.720.417	20.958.117.991
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		19.147.545.417	20.244.484.491
Tài sản cố định hữu hình	221	8	18.909.937.417	17.042.792.091
- Nguyên giá	222		42.617.209.880	36.464.328.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.707.272.463)	(19.421.536.089)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	237.608.000	3.201.692.400
Tài sản dài hạn khác	260		224.175.000	713.633.500
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	224.175.000	713.633.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		98.335.158.837	72.792.143.055

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (TIẾP)
Tại 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		67.292.529.960	49.937.747.503
Nợ ngắn hạn	310		67.292.529.960	49.010.391.122
Vay và nợ ngắn hạn	311	11	5.000.000.000	6.000.000.000
Phải trả người bán	312		16.743.244.398	15.797.981.828
Người mua trả tiền trước	313		13.500.000	3.790.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.073.105.000	3.168.754.456
Phải trả người lao động	315		22.121.198.586	13.979.718.972
Chi phí phải trả	316	13	410.958.000	850.958.903
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	7.743.921.109	6.604.053.697
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		7.700.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.486.602.867	2.605.133.266
Nợ dài hạn	330		-	927.356.381
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	927.356.381
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.042.628.877	22.854.395.552
Vốn chủ sở hữu	410	15	31.006.818.260	22.818.584.935
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.777.500.000	14.777.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		13.497.513.979	6.253.766.684
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.477.750.000	1.477.750.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.254.054.281	309.568.251
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.810.617	35.810.617
Nguồn kinh phí	432		35.810.617	35.810.617
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		98.335.158.837	72.792.143.055



Đinh Văn Tiến
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Phạm Trung Thành
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	170.017.452.021	124.738.448.326
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	2.150.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		170.017.452.021	124.736.298.326
Giá vốn hàng bán	11	17	135.189.453.868	103.251.165.301
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.827.998.153	21.485.133.025
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	211.539.958	125.288.775
Chi phí tài chính	22	19	692.464.602	906.514.283
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>692.464.602</i>	<i>906.514.283</i>
Chi phí bán hàng	24		1.022.576.690	982.799.836
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.669.762.954	6.770.273.490
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.654.733.865	12.950.834.191
Thu nhập khác	31		945.846.381	42.654.200
Chi phí khác	32		39.980.656	-
Lợi nhuận khác	40		905.865.725	42.654.200
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.560.599.590	12.993.488.391
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	3.073.105.000	3.248.372.098
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		14.487.494.590	9.745.116.293
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	9.804	6.595



Đinh Văn Tiến
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Phạm Trung Thành
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	153.696.646.956	93.161.892.013
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(81.211.800.217)	(42.912.033.497)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(42.167.724.130)	(32.347.020.399)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(281.506.602)	(55.555.380)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5	(3.168.754.456)	(1.821.684.117)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	14.700.000	10.659.652.827
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(9.153.984.185)	(27.355.022.124)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.727.577.366	(669.770.677)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.321.449.800)	(3.455.906.650)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	164.378.875
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	211.539.958	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.109.909.842)	(3.291.527.775)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.332.269.874	9.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.030.169.098)	(3.931.782.114)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.369.796.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.067.695.224)	5.068.217.886
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.549.972.300	1.106.919.434
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.855.135.816	3.748.216.382
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.405.108.116	4.855.135.816



Đinh Văn Tiến
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Phạm Trung Thành
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 07 tháng 06 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Ngày 04 tháng 09 năm 2007, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: 0303000840. Ngày 16 tháng 11 năm 2010, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba với mã số doanh nghiệp là 0500332500.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 121 đường Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 14.777.500.000 đồng (được chia thành 1.477.750 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng); trong đó phần vốn Nhà nước là 792.852 cổ phần (tương đương 54% vốn điều lệ); các cổ đông khác nắm giữ 684.898 cổ phần (tương đương 46% vốn điều lệ).

1.2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải: đô thị, công nghiệp;
- Xử lý môi trường làng nghề;
- Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông;
- Quản lý nghĩa trang liệt sĩ, nghĩa trang quân nhân, dịch vụ tang lễ;
- Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Dịch vụ vui chơi giải trí công viên;
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán có thời gian sử dụng ước tính là 03 năm kể từ ngày đưa vào sử dụng.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo thông báo hàng kỳ của ngân hàng và tiền thực thu được, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.8 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

3.9 THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Công ty có các hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT. Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với các hoạt động chịu thuế của Công ty là 10%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.9 THUẾ (TIẾP)**

Trong năm 2012 Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 25%. Tuy nhiên, Công ty thuộc đối tượng được miễn giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 28/06/2012 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế về tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, theo đó Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	564.299.315	191.724.451
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.840.808.801	4.663.411.365
Cộng	12.405.108.116	4.855.135.816

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Dự án cải tạo vườn hoa và hệ thống thoát nước	594.511.000	-
Tiền bảo hiểm theo chế độ	55.292.263	-
Bảo hiểm xã hội	89.510.545	-
Phải thu khác	330.680.724	174.130.339
Cộng	1.069.994.532	174.130.339

6. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	492.054.218	759.044.769
Công cụ, dụng cụ	7.178.740	18.591.740
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	499.232.958	777.636.509

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	927.100.000	419.550.000
	927.100.000	419.550.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	TSCĐ công cộng	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2012	5.550.063.086	701.917.600	29.738.911.494	473.436.000	36.464.328.180
- Đầu tư XDCB hoàn thành	312.635.000	165.897.600	5.760.581.600	46.420.000	6.285.534.200
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	73.652.500	59.000.000	132.652.500
Tại 31/12/2012	5.862.698.086	867.815.200	35.573.145.594	519.856.000	42.617.209.880
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2012	384.674.162	299.795.399	18.415.374.223	321.692.305	19.421.536.089
- Khấu hao trong năm	269.798.482	152.500.424	3.885.983.148	106.014.920	4.414.296.974
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	69.560.600	59.000.000	128.560.600
Tại 31/12/2012	654.472.644	452.295.823	22.231.796.771	368.707.225	23.707.272.463
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2012	5.165.388.924	402.122.201	11.323.537.271	151.743.695	17.042.792.091
Tại 31/12/2012	5.208.225.442	415.519.377	13.341.348.823	151.148.775	18.909.937.417

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 7.863.488.991 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Khoan giếng công nghiệp	-	312.635.000
Lắp đặt khung nhà thép	-	44.000.000
Mua sắm TSCĐ đang làm thủ tục bàn giao đưa vào sử dụng	237.608.000	2.845.057.400
Cộng	237.608.000	3.201.692.400

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	224.175.000	713.633.500
Cộng	224.175.000	713.633.500

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.000.000.000	6.000.000.000
+ Vay các cá nhân	5.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	6.000.000.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.073.105.000	3.168.754.456
Cộng	3.073.105.000	3.168.754.456

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động phải trả	410.958.000	850.958.903
Cộng	410.958.000	850.958.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	23.576.971	-
Bảo hiểm xã hội	-	281.596
Kinh phí công đoàn	50.257.391	158.294.845
Cổ tức trả cho Nhà nước	4.757.112.000	3.171.408.000
Cổ tức trả cho các cổ đông	1.438.285.800	1.369.796.000
Phải trả các đội môi trường	1.103.081.571	841.086.481
Các khoản phải trả, phải nộp khác	371.607.376	1.063.186.775
Cộng	7.743.921.109	6.604.053.697

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2011	14.777.500.000	2.576.498.349	1.014.759.519	142.227.206	18.510.985.074
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	9.745.116.293	9.745.116.293
- Chi trả cổ tức	-	-	-	(2.955.500.000)	(2.955.500.000)
- Trích lập quỹ	-	4.061.074.549	462.990.481	(6.381.635.563)	(1.857.570.533)
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(383.806.214)	-	(240.639.685)	(624.445.899)
Tại 31/12/2011	14.777.500.000	6.253.766.684	1.477.750.000	309.568.251	22.818.584.935
Tại 01/01/2012	14.777.500.000	6.253.766.684	1.477.750.000	309.568.251	22.818.584.935
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	14.487.494.590	14.487.494.590
- Trích lập quỹ	-	7.243.747.295	-	(7.243.747.295)	-
- Tạm chia cổ tức	-	-	-	(6.195.397.800)	(6.195.397.800)
- Giảm khác	-	-	-	(103.863.465)	(103.863.465)
Tại 31/12/2012	14.777.500.000	13.497.513.979	1.477.750.000	1.254.054.281	31.006.818.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15.2. Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	14.777.500.000	14.777.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	14.777.500.000	14.777.500.000

15.3. Cổ phiếu

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.477.750	1.477.750
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.477.750	1.477.750
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.477.750	1.477.750
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.477.750	1.477.750
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

15.4. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	7.928.520.000	7.928.520.000
Vốn góp của cổ đông khác	6.848.980.000	6.848.980.000
Cộng	14.777.500.000	14.777.500.000

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	170.017.452.021	124.738.448.326
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	170.017.452.021	124.738.448.326
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	2.150.000
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	-	2.150.000
Doanh thu thuần	170.017.452.021	124.736.298.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	135.189.453.868	103.251.165.301
Cộng	135.189.453.868	103.251.165.301

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	211.539.958	125.288.775
Cộng	211.539.958	125.288.775

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	692.464.602	906.514.283
Cộng	692.464.602	906.514.283

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán	17.560.599.590	12.993.488.391
Thu nhập chịu thuế	17.560.599.590	12.993.488.391
Thuế suất thuế thu nhập hiện hành	25%	25%
Thuế phải nộp tính theo thuế suất hiện hành	4.390.149.898	3.248.372.098
Ảnh hưởng của miễn giảm thuế	1.317.044.897	-
- Giảm thuế theo TT số 140/2012/TT-BTC	1.317.044.897	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	3.073.105.000	3.248.372.098

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.487.494.590	9.745.116.293
Biến động vốn trong năm		
+ CP đầu kỳ	1.477.750	1.477.750
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.477.750	1.477.750
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.804	6.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán.



Đinh Văn Tiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Phạm Trung Thành
Kế toán trưởng



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

Trụ sở chính:
Tầng 6, 136 Hoàng Quốc Việt
Hà Nội, Việt Nam
Phone: +844 3755 7446
Fax: +844 3755 7448
Thành viên hãng UHY Quốc Tế

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
46 Trương Quyền,
Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Phone: +848 3820 4899
Fax: +848 3820 4909
www.uhyvietnam.com.vn